

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/HS-ST
Ngày 13 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Hưởng

2. Ông Nguyễn Kim Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 145/2024/TLST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Xuân T** - Sinh ngày 17/5/1971 tại huyện T, tỉnh Thái Bình

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hưng Long Bắc, xã Đông Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Tổ 01, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Như N (Đã chết) và bà Tạ Thị N1 (Đã chết); Vợ là Lương Thị M; Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh L. “Có mặt”.

- Bị hại: Anh Bùi Minh Đ - Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị M - Sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hưng Long Bắc, xã Đông Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Tổ 01, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 01/07/2024, bị cáo Bùi Xuân T cùng anh Bùi Minh Đ và nhiều người dân khác là hàng xóm của T đang đứng tại phía trước nhà anh Bùi Minh Đ ở đường B, tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai để nói chuyện liên quan đến việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L thông báo đền bù tại khu vực này. Quá trình nói chuyện thì T và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến xô xát, cãi chửi nhau. T và Đ túm lấy cổ áo nhau thì được mọi người can ngăn ra, Đ chạy vào nhà lấy ra 01 thanh kim loại màu xám hình trụ tròn, dài khoảng 60 cm mang ra định đánh Tước thì T cũng nhặt lấy 01 viên gạch ở ven đường. Tước thấy Đ cầm thanh kim loại và được mọi người đẩy về nhà (cách nhà anh Đ khoảng 30m) thì T bỏ về nhà. Khi T về đến nhà thì Đ vẫn đứng trước cửa nhà có lời lẽ thô tục, chửi bới nhiều lần “mày chưa xong với tao đâu, ... mày lên đây không tao xuống tận nhà mày đấy”. Lúc này bà Lương Thị M, sinh năm 1972 là vợ của T thấy chồng bị chửi liền đứng trước cửa nhà chửi nhau với anh Đ. Khi bà M và anh Đ đang chửi nhau, do bức tức nên T nhặt lấy 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 36,5cm; chuôi dao làm bằng kim loại hình trụ tròn rỗng đường kính 3,5cm, dài 10cm có nhiều vết rỉ sét; dao một lưỡi sắc dài 26,5cm có đầu bằng, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,5cm rồi chạy từ trong nhà ra theo đường B hướng đến vị trí Đ đang đứng. Khi T chạy tới còn cách vị trí anh Đ đang đứng khoảng 04m thì T cầm dao bằng tay phải giơ lên cao định chém về phía Đ thì Đ đứng đối diện, tay phải đang cầm 01 điều cày bằng tre nửa màu vàng dài 65cm, đường kính 4,5cm (điều cày Đ lấy từ nhà hàng xóm trước đó để hút thuốc Lào) vụt về phía người Tước nhưng T dùng tay trái đỡ được. Lập tức Tước vung dao chém về phía người Đ thì anh Đ lùi lại phía sau tránh né được. Lúc này bà Trần Thị S là hàng xóm đang đứng cạnh Đ liền đứng vào giữa hai người và ôm lấy người Tước can ngăn nhưng T vẫn tiếp tục cầm dao bằng tay phải đứng vung dao từ trên xuống dưới qua vai bà S chém về người anh Đ khoảng 05 - 07 phút. Lúc đó Đ cũng vừa lùi về phía sau và đồng thời dùng ống điều vụt về phía người Tước nhằm cản lại những phát chém của T, tay trái Đ cũng giơ lên trước đầu để đỡ thì bị T chém trúng 01 phát gây ra 01 vết thương kéo dài từ lòng trong ngón út tay trái xuống giữa cẳng tay trái. Đ bị thương liền bỏ chạy lùi về phía sau theo hướng lò mổ thì T cũng vung ra khỏi người bà S và đuổi theo Đ, T chạy đuổi phía sau nhìn thấy anh Đ chạy với khoảng cách xa, tay trái đã bị thương tích, chảy nhiều máu và được mọi người can ngăn nên T không đuổi theo Đ nữa. Quá trình Đ bỏ chạy thì bà Lương Thị M đứng gần đó nhặt 01 viên gạch vỡ ở ven đường ném về phía hướng chạy của Đ nhưng không trúng. Được mọi người can ngăn, T cầm dao về nhà còn Đ được mọi người đưa đi sơ cứu tại bệnh viện H rồi đưa đến điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh L. Cùng ngày Đ được chuyển đến Bệnh viện H1 - Hà Nội điều trị. Sau đó Bùi Xuân T đã đến cơ quan Công an đầu thú và giao nộp vật chứng là con dao dùng gây thương tích cho Bùi Minh Đ.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 147/KLTTCT-TTPY ngày 09/07/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L xác định: Tỷ lệ

phần trăm tổn thương cơ thể của anh Bùi Minh Đ tại thời điểm giám định là 38%. Cơ chế và vật gây thương tích là chấn thương trực tiếp do vật sắc.

Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 196/KLTTCT-TTPY ngày 01/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L xác định: Bùi Minh Đ bị hạn chế vận động gấp duỗi các ngón tay III, IV bàn tay trái do cứng một khớp liên đốt. Ngón V tay trái lạnh, tê bì, mất cảm giác mặt gan tay, mất vận động gấp duỗi do cứng các khớp liên đốt. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Minh Đ tại thời điểm giám định bổ sung là 9%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể qua hai lần giám định là 44%.

Cáo trạng số 141/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 260, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Bùi Xuân T với mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 601 của Bộ luật Dân sự; Điều 9 của Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Buộc bị cáo Bùi Xuân T phải bồi thường cho bị hại anh Bùi Minh Đ số tiền 126.355.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống nửa thẳng hình trụ tròn rỗng màu vàng dài 64cm, đường kính 4,5cm, một đầu đoạn ống nửa bị nứt vỡ nham nhở, rải rác trên bề mặt ngoài bám dính nhiều chất dịch lỏng màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 viên gạch vỡ màu đỏ bám dính xi măng màu xám kích thước (12x10x5)cm; 01 con dao có chuôi và lưỡi dao đều làm bằng kim loại màu đen, chuôi dao có hình trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 10cm, đầu lưỡi dao có đầu bằng, lưỡi dao sắc, chiều rộng nhất của lưỡi dao rộng 5,5cm, tổng chiều dài của dao là 36,5cm, ở phần chuôi và lưỡi dao có bám dính nhiều vết rỉ sét, lưỡi dao có một số vết màu nâu (nghĩ là máu), dao đã qua sử dụng.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các kết luận giám. Bị cáo Bùi Xuân T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật nhưng vào ngày 01/7/2024, trong quá trình nói chuyện về giá đất đền bù tại khu vực đường L, tổ A, phường K, thành phố L giữa bị cáo Bùi Xuân T và bị hại Bùi Minh Đ đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Bùi Xuân T đã sử dụng 01 con dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Bùi Minh Đ, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 44%. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Xuân T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; bị cáo có mẹ đẻ là bà Tạ Thị N1 là Mẹ Việt Nam Anh hùng. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Bùi Minh Đ yêu cầu bị cáo Bùi Xuân T bồi thường tổng số tiền là 126.355.000 đồng. Trong đó: Chi phí khám chữa bệnh, tiền thuốc, tiền tàu xe đi lại là 45.655.000 đồng; Chi phí cho người chăm sóc mà anh Bùi Minh Đ đã chi trả là 4.800.000 đồng (02 người chăm sóc); Tiền thu nhập bị mất của anh Bùi Minh Đ là 52.500.000 đồng; T1 tổn thất về tinh thần là 23.400.000 đồng (10 lần mức lương cơ

sở). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ gồm các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc khám chữa bệnh, tiền thuốc, vé xe, thu nhập của bị hại bị mất và tiền công của người chăm sóc do bị hại cung cấp là phù hợp với quy định. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Bùi Minh Đ số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Xuân T và bị hại anh Bùi Minh Đ, buộc bị cáo Bùi Xuân T phải bồi thường cho bị hại anh Bùi Minh Đ số tiền 126.355.000 đồng.

Đối với bà Lương Thị M là vợ của bị cáo Bùi Xuân T đã thay bị cáo đến thăm hỏi anh Bùi Minh Đ số tiền 6.000.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Lương Thị M không yêu cầu bị cáo Bùi Xuân T phải hoàn trả cho bà Lương Thị M số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn ống nửa thẳng hình trụ tròn rỗng màu vàng dài 64cm, đường kính 4,5cm, một đầu đoạn ống nửa bị nứt vỡ nham nhở, rải rác trên bề mặt ngoài bám dính nhiều chất dịch lỏng màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 viên gạch vỡ màu đỏ bám dính xi măng màu xám kích thước (12x10x5)cm; 01 con dao có chuôi và lưỡi dao đều làm bằng kim loại màu đen, chuôi dao có hình trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 10cm, đầu lưỡi dao có đầu bằng, lưỡi dao sắc, chiều rộng nhất của lưỡi dao rộng 5,5cm, tổng chiều dài của dao là 36,5cm, ở phần chuôi và lưỡi dao có bám dính nhiều vết rỉ sét, lưỡi dao có một số vết màu nâu (nghĩ là máu), dao đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hành vi gây thương tích của bị cáo Bùi Xuân T một phần cũng do bị hại anh Bùi Minh Đ trước đó đã có hành vi cầm 01 đoạn kim loại, hình trụ tròn dài khoảng 65cm để xô xát với Bùi Xuân T. Sau đó bị hại Đ cũng có những lời lẽ chửi bới thô tục, thách thức dẫn đến bị cáo Bùi Xuân T bức tức và có hành vi gây thương tích cho bị hại. Bản thân bị hại Bùi Minh Đ trong quá trình xô xát với Bùi Xuân T cũng có hành vi cầm ống điều cày để vụt về phía bị cáo Bùi Xuân T tuy nhiên chỉ là hành vi chống trả, không gây thương tích gì nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với bà Lương Thị M đã có hành vi chửi nhau với bị hại Bùi Minh Đ, sau khi Đ bị thương tích bỏ chạy đã dùng gạch ném bị hại Đ tuy nhiên không gây thiệt hại gì và bà M cũng không có sự bàn bạc, thống nhất gì với bị cáo Bùi Xuân T về việc gây thương tích. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lương Thị M là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.317.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 601 của Bộ luật Dân sự; Điều 9 của Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bị cáo Bùi Xuân T phải bồi thường cho bị hại anh Bùi Minh Đ số tiền 126.355.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống nửa thẳng hình trụ tròn rỗng màu vàng dài 64cm, đường kính 4,5cm, một đầu đoạn ống nửa bị nứt vỡ nham nhở, rải rác trên bề mặt ngoài bám dính nhiều chất dịch lỏng màu nâu đỏ (nghi là máu); 01 viên gạch vỡ màu đỏ bám dính xi măng màu xám kích thước (12x10x5)cm; 01 con dao có chuôi và lưỡi dao đều làm bằng kim loại màu đen, chuôi dao có hình trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 10cm, đầu lưỡi dao có đầu bằng, lưỡi dao sắc, chiều rộng nhất của lưỡi dao rộng 5,5cm, tổng chiều dài của dao là 36,5cm, ở phần chuôi và lưỡi dao có bám dính nhiều vết rỉ sét, lưỡi dao có một số vết màu nâu (nghi là máu), dao đã qua sử dụng.

(Vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.317.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSNDTPLC; CATPLC;
- Chi cục THADSTPLC;
- Cơ quan THAHSCATP;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thu Trang